TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **48**/2021/DS-ST
Ngày 14 - 12 - 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chọn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Minh Tấn

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 12/2021/TB-TĐTGMPT, ngày 22 tháng 7 năm 2021 và Thông báo mở phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 23/2021/TB-MPT, ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị U**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Út T**, sinh năm 1977 và bà **Võ Thị P**, sinh năm 1981 (Sau đây viết tắt là: vợ chồng bà P). Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Bà U, bà P có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-7-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị U trình bày yêu cầu như sau:

Vào năm 2018 bà Lê Thị U có tổ chức chơi hụi, ông Nguyễn Út T, bà Võ Thị P tham gia chơi các dây hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/5/2018 âm lịch, tháng xổ 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi có 28 phần, hụi có lãi và có hoa hồng 1.000.000 đồng/01 lần xổ hụi. Dây hụi này vợ chồng bà P tham gia 01 phần, khi tham gia chơi hụi vợ chồng bà P đóng hụi sống đến lần thứ 05 thì bỏ thăm số tiền 380.000 đồng hốt hụi được số tiền 44.260.000 đồng, vợ chồng bà P đóng hụi chết được 14 lần được số tiền 28.000.000 đồng, còn nợ lại bà U 09 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Dây hụi này mãn ngày 10/7/2020 âm lịch.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20/4/2018 âm lịch, tháng xổ 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, hụi có 32 phần, hụi có lãi và có hoa hồng 500.000 đồng/01 lần xổ hụi. Dây hụi này vợ chồng bà P tham gia 01 phần, khi tham gia chơi hụi vợ chồng bà P hốt đầu tiên kêu số tiền 260.000 đồng hốt hụi được số tiền 22.750.000đ, vợ chồng bà P đóng hụi chết được 18 lần được số tiền 18.000.000đ, còn nợ lại bà U 13 lần hụi chết với số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng). Dây hụi này mãn ngày 20/10/2020 âm lịch.

Tổng hai dây hụi vợ chồng bà P còn nợ lại bà U số tiền 31.000.000 đồng, bà U có đòi nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng bà P không trả.

Nay bà Lê Thị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Út T, bà Võ Thị P phải trả cho bà U số tiền còn thiếu là 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng), mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, trả đến khi nào đủ số tiền 31.000.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/6/2021 bị đơn bà Võ Thị P trình bày: Bà P xác định và thừa nhận năm 2018 âm lịch vợ chồng bà P có tham gia các dây hụi do bà Lê Thị U làm chủ cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 10/5/2018 âm lịch, tháng xổ 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi có 28 phần, hụi có lãi và có hoa hồng 1.000.000 đồng/01 lần xổ hụi. Dây hụi này vợ chồng bà P tham gia 01 phần, khi tham gia chơi hụi vợ chồng bà P đóng hụi sống đến lần thứ 05 thì bỏ thăm số tiền 380.000 đồng hốt được số tiền 44.260.000 đồng, vợ chồng bà đóng hụi chết cho bà U

được 14 lần được số tiền 28.000.000 đồng, còn nợ lại bà U 09 lần hụi chết với số tiền 18.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 20/4/2018 âm lịch, tháng xổ 01 lần vào ngày 20 hàng tháng, hụi có 32 phần, hụi có lãi và có hoa hồng 500.000 đồng/01 lần xổ hụi. Dây hụi này vợ chồng bà P tham gia 01 phần, khi tham gia chơi hụi vợ chồng bà P hốt đầu tiên kêu số tiền 260.000 đồng hốt hụi được số tiền 22.750.000đ, vợ chồng bà P đóng hụi chết cho bà U được 18 lần được số tiền 18.000.000đ, còn nợ lại bà U 13 lần hụi chết với số tiền 13.000.000đ.

Đến ngày 22/7/2020 bà Lê Thị U có đưa bà P biên nhận nội dung bà Võ Thị P có nợ bà U số tiền 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng) bà P có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ. Các dây hụi trên hiện nay đã mãn.

Nay theo yêu cầu của bà Lê Thị U bà Võ Thị P thừa nhận vợ chồng bà P còn nợ và đồng ý trả cho bà Lê Thị U số tiền còn thiếu là 31.000.000đ (Ba mươi mốt triệu đồng), hiện nay do hoàn cảnh tôi khó khăn nên mỗi tháng trả 500.000đ trả đến khi nào đủ số tiền 31.000.000 đồng thì thôi.

Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: Biên nhận nợ ngày 22/7/2020; Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 17/7/2020 của ban lãnh đạo ấp Đồng Giữa; Biên bản vắng mặt ngày 10/7/2020 của ban lãnh đạo ấp Đồng Giữa; đơn yêu cầu của bà Lê Thị U; danh sách hụi viên; giấy chứng minh nhân dân Lê Thị U và sổ hộ khẩu.

***Tại phiên tòa*:**

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà U và bị đơn bà P thống nhất về số nợ 31.000.000 đồng; về thời gian trả nợ thì giữa bà U và bà P thống nhất nhau 07 tháng nữa bà P bán được đất sẽ thanh toán nợ 01 lần. Bị đơn ông T vắng mặt nên không ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 68, Điều 97, Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T vắng mắt đến lần

thứ hai không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của bà Lê Thị U yêu cầu vợ chồng bà P trả cho bà U số hụi là 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hụi còn thiếu. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp họ (hụi)".

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho ông T, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn ông T theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Ghi nhận ý kiến xác nhận nợ còn lại giữa nguyên đơn bà Lê Thị U và bị đơn vợ chồng bà P là 31.000.000 đồng (Bà mươi mốt triệu đồng). Tuy nhiên, về thời gian trả nợ thì chỉ thống nhất nhau thời hạn chung chung, ông T vắng mặt nên không có căn cứ để xem xét ghi nhận về thời hạn trả nợ, do vậy khi nào bản án có hiệu lực pháp lực thì các bên căn cứ Bản án để yêu cầu thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

Từ các nhận định nêu trên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Điều 26 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U, buộc vợ chồng bà P trả cho bà Lê Thị U số tiền hụi còn nợ 31.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải

trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm: 31.000.000đ x 5% = 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn 775.000 đồng theo biên lai thu số 0006975 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ- CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Điều 26 Nghị định số: 144/2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hụi 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Buộc ông Nguyễn Út T và bà Võ Thị P phải trả cho bà Lê Thị U số tiền hụi chết còn nợ 31.000.000 đồng (Ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Út T và bà Võ Thị P có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lê Thị U tiền tạm ứng án phí đã nộp là 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006975 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSDS, VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Chọn